

Số: 2345 /QĐ-SYT

Hải Phòng, ngày 15 tháng 10 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu Mua sắm bổ sung thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị (gồm 30 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2018-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 23/2015/TT-BKHĐT ngày 21/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chi tiết lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu;

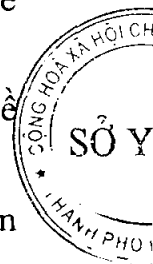
Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ Y tế về việc quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 376/QĐ-UBND ngày 21/2/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giao Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm – mỹ phẩm thuộc Sở Y tế là đơn vị mua sắm tập trung theo mô hình kiêm nhiệm đối với thuốc, vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán invitro của ngành Y tế;

Căn cứ Quyết định số 943/QĐ-UBND ngày 02/5/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt dự toán, nguồn vốn mua sắm bổ sung thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2018-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1082/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm bổ sung thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2018 - 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;



Căn cứ Quyết định số 775/QĐ-SYT ngày 15/6/2018 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu Gói thầu Mua sắm bổ sung thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị (gồm 30 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2018-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2257/QĐ-SYT ngày 21/9/2018 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng về việc Phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị (gồm 30 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2018-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Công văn số 2459/SYT-TTKN ngày 05/10/2018 của Sở Y tế Hải Phòng về việc đính chính Quyết định số 2257/QĐ-SYT ngày 21/9/2018;

Căn cứ Báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính số 14/BC-HĐMS ngày 24/9/2018 của Hội đồng mua sắm thuốc cho ngành Y tế Hải Phòng về gói thầu Mua sắm bổ sung thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị (gồm 30 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2018-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2283/QĐ-SYT ngày 28/9/2018 của Sở Y tế Hải Phòng về việc phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu gói thầu Mua sắm bổ sung thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị (gồm 30 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2018-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Công văn số 2458/SYT-TTKN ngày 05/10/2018 của Sở Y tế Hải Phòng về việc đính chính Quyết định số 2283/QĐ-SYT ngày 28/9/2018;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng giữa Bên mời thầu và nhà thầu;

Xét đề nghị của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng tại Tờ trình số 244/TTr-TTKN ngày 05/10/2018 về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm bổ sung thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị (gồm 30 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2018-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định lựa chọn nhà thầu cung ứng thuốc của các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng tại Báo cáo thẩm định số 01/BC-TĐKQLCNTTCPBS2018-2019 ngày 08/10/2018 về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm bổ sung thuốc biệt dược gốc hoặc

tương đương điều trị (gồm 30 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2018-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm bổ sung thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị (gồm 30 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2018-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng, cụ thể:

STT	Mã nhà thầu	Nhà thầu trúng thầu	Giá trúng thầu (VNĐ)	Danh mục thuốc chi tiết
1.	A02	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	4.855.800.000	Phụ lục đính kèm
2.	A03	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dược liệu Trung Ương 2	14.290.983.090	Phụ lục đính kèm
3.	A04	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Vimedimex Bình Dương	3.710.872.440	Phụ lục đính kèm

- Hình thức Hợp đồng: Theo đơn giá cố định (do cơ sở y tế ký kết với Nhà thầu).

Hợp đồng ký kết giữa cơ sở y tế với nhà thầu được lựa chọn cung cấp thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị theo số lượng của từng mặt hàng phân bổ cho các cơ sở y tế, lập tối đa không quá 12 tháng, tổng thời gian thực hiện của các hợp đồng không quá ngày 31/12/2019.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu đến hết ngày 31/12/2019.

Điều 2. Giá trúng thầu đã nêu tại Điều 1 là giá đã bao gồm tất cả các chi phí liên quan để thực hiện gói thầu như chi phí vận chuyển, bảo quản, bảo hành thuốc và các loại thuế phí theo quy định nhà nước hiện hành.

Điều 3. Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng có trách nhiệm ký kết và quản lý Thỏa thuận khung với các nhà thầu trúng thầu nêu tại Điều 1 theo đúng các quy định hiện hành của Chính phủ.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Các ông (bà) Trưởng các phòng ban, Văn phòng Sở Y tế, Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng, Thủ trưởng các đơn vị y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng, các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./. *SV*

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Các nhà thầu (đề t/h)
- Cục QLD-BYT;
- Website Sở Y tế HP;
- BHXH Hải Phòng;
- Kho bạc NN Hải Phòng;
- Lưu: VT, NVD, TTKN *(04)*

GIÁM ĐỐC



Phạm Thu Xanh

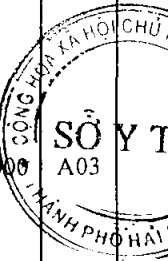
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị (gồm 30 lô thuốc)

Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Quyết định số 2345/QĐ-SYT ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, dạng bào chế, đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Điểm KT	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu	Thành tiền	Mã NT
1	BD031	Aerius	Desloratadine	0,5mg/ml	Hộp 1 chai 60ml, Siro, Uống	24 tháng	VN-14268-11 (Có CV gia hạn hiệu lực SĐK đến 18/12/2018)	Schering - Plough Labo N.V. - Bỉ	Chai	3.900	91	100	97,3	1	78.900,00	307.710.000	A04
2	BD060	Fortum Inj.1g 1's (Italy)	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat 1g)	1g	Hộp 1 lọ thuốc bột + 1 ống nước pha tiêm 3ml, Bột pha tiêm hay truyền, Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	36 tháng	VN-20515-17	GlaxoSmithKline Manufacturing SpA, CSSX ống nước pha tiêm GlaxoSmithKline Manufacturing SpA -Strada Provinciale Asolana 90, 43056 San Polo di Torriale (PR) - Ý	Lọ	59.200	92	100	97,6	1	75.600,00	4.475.520.000	A03
3	BD062	Zinacef Inj.750mg 1's(Italy)	Cefuroxime natri	750mg	Hộp 1 lọ, Bột pha tiêm, không kèm dung môi, Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	24 tháng	VN-10706-10	GlaxoSmithKline Manufacturing SpA-Ý	Lọ	34.320	91	100	97,3	1	44.431,00	1.524.871.920	A03
4	BD118	Campto Inj 100mg 5ml	Irinotecan Hydrochloride	100mg/ 5ml	1 lọ/ hộp, Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền, Tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	36 tháng	VN-20050-16	Pfizer (Perth) Pty Ltd-Úc	Lọ	1.420	92	100	97,6	1	3.679.240,00	5.224.520.800	A03



5	BD148	Neupogen Inj 30MU/0.5ml 1's	Filgrastim	30 MU/0,5ml	Hộp chứa 1 bơm tiêm đóng sẵn chứa filgrastim 30MU/0,5ml, Dung dịch tiêm, Tiêm	24 tháng	QLSP-0809-14	F. Hoffmann-La Roche Ltd.- Thụy Sĩ	Bơm tiêm	650	91	100	97,3	1	932.715,00	606.264.750	A03
6	BD201	Zocor 10mg (cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohm Australia Pty Ltd. Địa chỉ: 54-68 Ferndell Street, South Granville NSW 2142, Australia)	Simvastatin	10mg	Hộp 2 vi x 15 viên, Viên nén bao phim, Uống	24 tháng	VN-18941-15	Merck Sharp & Dohme Ltd. - Anh	Viên	2.000	86	100	95,8	1	10.170,00	20.340.000	A04
7	BD218	Xenetix 350	Iobitridol	76,78g/100ml	Hộp 10 lọ 100ml, dung dịch tiêm, tiêm truyền	36 tháng	VN-16789-13 (TKHQ + Thẻ kho NXT)	Guerbet - Pháp	Lọ	5.000	93	100	97,9	1	635.000,00	3.175.000.000	A02
8	BD243	Buscopan	Hyoscine butyl bromide	10mg	Hộp 5 vi x 20 viên, Viên nén bao đường, Uống	36 tháng	VN-11700-11 (Có CV gia hạn hiệu lực SDK đến 06/10/2016)	Delpharm Reims - Pháp	Viên	183.378	93	100	97,9	1	1.120,00	205.383.360	A04
9	BD258	Medrol Tab 4mg 30's	Methylprednisolone	4mg	3 vi * 10 viên, Viên nén, Uống	36 tháng	VN-13805-11	Pfizer Italia S.r.l- Ý	Viên	666.140	87	100	96,1	1	983,00	654.815.620	A03
10	BD288	Vismed	Natri Hyaluronate	0,18%	Hộp 20 ống đơn liều 0,3ml, Dung dịch nhỏ mắt, Nhỏ mắt	36 tháng	VN-15419-12 (có CV gia hạn hiệu lực SDK)	Holopack Verpackungstechnik GmbH - Đức	Ống	278.340	93	100	97,9	1	10.199,00	2.838.789.660	A04



11	BD306	Remeron 30	Mirtazapine	30mg	Hộp 1 vỉ x 10 viên, Viên nén bao phim, Uống	36 tháng	VN-13787-11 (Có CV gia hạn hiệu lực SĐK)	N.V. Organon - Hà Lan	Viên	2.000	88	100	96,4	1	17.626,00	35.252.000	A04
12	BD309	Berodual	Ipratropium bromide khan (dưới dạng Ipratropium bromide monohydrate) + Fenoterol Hydrobromide	0,02mg/nhát xịt + 0,05mg/nhát xịt	Hộp 1 bình xịt 200 nhát xịt (10ml), Dung dịch khí dung, Xịt	24 tháng	VN-17269-13	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG. - Đức	Bình	2.200	92	100	97,6	1	132.323,00	291.110.600	A04
13	BD310	Singulair (Cơ sở đóng gói: Merck Sharp & Dohme (Australia) Pty. Ltd.)	Montelukast sodium	10mg	Hộp 4 vỉ x 7 viên, Viên nén bao phim, Uống	36 tháng	VN-14267-11 (Có CV gia hạn hiệu lực SĐK)	Merck Sharp & Dohme Ltd. - Anh	Viên	910	92	100	97,6	1	13.502,00	12.286.820	A04
14	BD332	Lipofundin MCT/LCT 10%	Nhũ dịch lipid	10% 500ml	Kiện 10 chai, nhũ tương tiêm truyền, tiêm truyền	24 tháng	VN-16130-13; Gia hạn số 2201/QLĐ-ĐK ngày 31/01/2018	B.Braun Melsungen AG - Đức	Chai	8.800	91	100	97,3	1	191.000,00	1.680.800.000	A02
15	BD346	Komboglyze XR tab 5mg/1000mg	Saxagliptin; Metformin Hydrochlorid	5mg; 1000mg	Hộp 4 vỉ x 7 viên, Viên nén bao phim, Uống	36 tháng	VN-18678-15	AstraZeneca Pharmaceuticals LP (Tên nhà sản xuất cũ Bristol-Myers Squibb)- Mỹ	Viên	15.000	92	100	97,6	1	21.410,00	321.150.000	A03
16	BD349	Galvus MET Tab 50mg/1000mg 6x10's	Vildagliptin; Metformin hydrochlorid	50mg+1000mg	Hộp 6 vỉ x 10 viên, Viên nén bao phim, Uống	18 tháng	VN-19291-15	Novartis Pharma Produktions GmbH-Đức	Viên	160.000	90	100	97	1	9.274,00	1.483.840.000	A03
Tổng																22.857.655.530	
Tổng tiền bằng chữ: Hai mươi hai tỷ, tám trăm năm mươi bảy triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm ba mươi đồng																	